

Số: 108/2021/QĐST-HNGĐ

K, ngày 26 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị P** – sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: **Ông Phan Danh T** – sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố Cư Xá, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 18 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 18 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị P và ông Phan Danh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Phan Danh T chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/6/2021. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cự cãi, tình cảm mâu thuẫn trầm trọng. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P và ông T thuận tình ly hôn với nhau và được Tòa án ghi nhận.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Phan Thị Việt H – sinh ngày

20/10/1998 và Phan Thị Ngọc H1 – sinh ngày 06/01/2005, cháu H đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà P, ông T là giao cháu Phan Thị Ngọc H1 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa nhưng bà P tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền án phí bà P phải nộp là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000014 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền còn thừa bà P được nhận lại là 150.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- UBND thị trấn K - H.K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Pho**